

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH, SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC VĂN HÓA					
	Di sản văn hóa					
1	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất thủ tục đăng ký	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010; - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/2/2004; - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011.
2	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012.
3	Thủ tục xác nhận đủ	15 ngày làm việc kể	Trung tâm	Không	Sở Văn hóa,	

	điều kiện được cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh		Thể thao và Du lịch	
4	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012.
5	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012; - Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008.
6	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012;

						- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018. - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/02/2004.
7	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	- Thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở VHTTDL có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở VHTTDL/Sở VHTT quyết định việc gửi văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch UBND tỉnh; - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị,	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Chính phủ	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010; - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010.

		hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ VHTTDL. - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ VHTTDL giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ VHTTDL xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý				
--	--	--	--	--	--	--

		kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ VHTTDL trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.				
8	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	- Thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở VHTTDL có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở VHTTDL quyết định việc gửi văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch UBND tỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Thủ tướng Chính phủ	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010; - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010.

		văn bản có liên quan, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ VHTTDL. - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ VHTTDL giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản VH báo cáo Bộ trưởng Bộ VHTTDL xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản VH quốc gia thẩm định hiện vật				
--	--	--	--	--	--	--

		và hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ VHTTDL trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.				
9	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018.
10	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009;
11	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016.

12	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
13	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
14	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018.
Điện ảnh						
15	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	Luật Điện ảnh năm 2022.
Mỹ thuật, nhiếp ảnh và Triển lãm						
16	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ	Trung tâm phục vụ hành	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013;

	sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	hồ sơ hợp lệ	chính công, XTĐT và HTDN tỉnh		Du lịch	- Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018.
17	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013.
18	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ.	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013; - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019.
19	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	- 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ; (Đối với các công trình tượng đài, tranh hoành tráng phải có ý kiến của Bộ VHTTDL, thời hạn cấp giấy phép không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013; - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018.
20	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013;

21	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016.
22	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	
23	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	- 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành VH TTDL; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019.
24	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương	- 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp phải	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019.

	không vì mục đích thương mại.	thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành VHTTDL; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	HTDN tỉnh			
25	Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại.	- 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành VHTTDL; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019.
26	Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm	- 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ	Trung tâm phục vụ hành	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019.

	do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	sơ hợp lệ. - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành VHTTDL; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	chính công, XTĐT và HTDN tỉnh		Du lịch	
27	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	- 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019.

Nghệ thuật Biểu diễn						
28	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	* Phí thẩm định: Số TT Độ dài thời gian của một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật Mức thu phí (đồng/ chương trình, vở diễn). - Đến 50 phút 1.500.000. - Từ 51 đến 100 phút 2.000.000. - Từ 101 đến 150 phút 3.000.000. - Từ 151 đến 200 phút 3.500.000. - Từ 201 phút trở lên 5.000.000. * Trường hợp miễn phí - Miễn phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn đối với chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 /12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn; - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác.

gia.

- Chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia theo quy định tại Thông tư số 288/2016/TT-BTC bao gồm: các hoạt động biểu diễn nghệ thuật nhân kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước, kỷ niệm ngày quốc khánh các nước tại Việt Nam; tổ chức nhân chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao các nước đến Việt Nam; kỷ niệm ngày sinh nhật của một số lãnh tụ các nước tại Việt Nam hoặc nhân kỷ niệm sự kiện đặc biệt của nước ngoài được tổ chức tại Việt Nam.

29	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020.
30	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020.
31	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	
	Văn hóa cơ sở					
32	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018.
33	Thủ tục thông báo tổ	15 ngày làm việc kể	Trung tâm	Không	Ủy ban nhân	

	chức lễ hội cấp tỉnh	từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh		dân tỉnh	
34	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 15.000.000 đồng/giấy; - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 10.000.000 đồng/giấy.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021.
35	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	4 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000đ/giấy.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021.

36	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Điều 29, Điều 30 của Luật Quảng cáo năm 2012. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. - Khoản 2 Điều 9 của Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ VHTTDL quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.
37	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Luật Quảng cáo năm 2012.
38	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép.	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Quảng cáo năm 2012; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013; - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013; - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016.
39	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công,	1.500.000 đồng/Giấy phép.	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Quảng cáo năm 2012; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013; - Thông tư số 10/2013/TT-

	của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam		XTĐT và HTDN tỉnh			BVHTTDL ngày 06/12/2013; - Thông tư số 165/2016/TT- BTC ngày 25/10/2016; - Thông tư số 35/2018/TT- BVHTTDL ngày 19/11/2018.
40	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.500.000 đồng/Giấy phép.	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012; - Nghị định số 181/2013/NĐ- CP ngày 14/11/2013; - Thông tư số 10/2013/TT- BVHTTDL ngày 06/12/2013; - Thông tư số 165/2016/TT- BTC ngày 25/10/2016.
Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa						
41	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	- 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với văn hóa phẩm là phim.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. - Nghị định số 22/2022/NĐ-CP ngày 25/3/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. - Thông tư số 07/2012/TT- BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ VHTTDL Nghị định số 32/2012/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 22/2018/TT- BVHTTDL ngày 29/6/2018 của

						Bộ VH TTDL sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVH TTDL ngày 16/7/2012 của Bộ VH TTDL hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.
42	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012; - Thông tư số 07/2012/TT-BVH TTDL ngày 16/7/2012; - Thông tư số 04/2016/TT-BVH TTDL ngày 29/6/2016; - Thông tư số 22/2018/TT-BVH TTDL ngày 29/6/2018;
43	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1. Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh: - Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định. - Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định. - Từ tác phẩm	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Thông tư số 28/2014/TT-BVH TTDL ngày 31/12/2014; - Thông tư số 26/2018/TT-BVH TTDL ngày 11/9/2018; - Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.

				thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng. 2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh: - Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định; - Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/tác phẩm/ lần thẩm định. - Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000đồng/tác phẩm/lần thẩm định.		
44	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	* Phí, lệ phí: Đối với các sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu dưới đây thì mức thu như sau:	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014; - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016; - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018;

				1. Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau: a) Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa: - Đối với bản ghi âm: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng(+)mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút). - Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng(+)mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15		
--	--	--	--	--	--	--

				phút). b) Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác: - Đối với bản ghi âm: + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình; + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/chương trình. - Đối với bản ghi hình: + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương		
--	--	--	--	--	--	--

				trình; + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000 đồng/chương trình. 2. Chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác; chương trình nghệ thuật biểu diễn sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy phép thì không được hoàn trả số phí thẩm định đã nộp.		
Thi đua, khen thưởng						
45	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”	- Theo thời gian quy định trong kế hoạch được Bộ VHTTDL ban hành trước mỗi	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và	Không	Chủ tịch nước.	- Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ

		đợt xét tặng. - Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” được xét tặng và công bố 03 năm một lần, vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.	HTDN tỉnh			ưu tú”; - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ VHTTDL. - Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.
46	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”	- Theo thời gian quy định trong kế hoạch được Bộ VHTTDL ban hành trước mỗi đợt xét tặng. - Danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” được xét tặng và công bố 03 năm một lần, vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Chủ tịch nước	- Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014; - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019; - Nghị định 40/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021.
47	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di	Căn cứ theo kế hoạch xét tặng của Bộ VHTTDL.	Trung tâm phục vụ hành chính công,	Không	Chủ tịch nước	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009;

	sản văn hóa phi vật thể		XTĐT và HTDN tỉnh			- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013; - Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25/6/2014.
48	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Căn cứ theo kế hoạch xét tặng của Bộ VHTTDL.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Chủ tịch nước	
49	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật	- Theo thời gian quy định trong kế hoạch được Bộ VHTTDL ban hành trước mỗi đợt xét tặng. - Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học, nghệ thuật được xét tặng và công bố 05 năm một lần, vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Chủ tịch nước	- Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ quy định về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật. - Nghị định số 133/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật. - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ VHTTDL.
50	Thủ tục Xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về	- Theo thời gian quy định trong kế hoạch	Trung tâm phục vụ hành	Không	Chủ tịch nước	- Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014;

	văn học, nghệ thuật	được Bộ VHTTDL ban hành trước mỗi đợt xét tặng. - Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật được xét tặng và công bố 05 năm một lần, vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.	chính công, XTĐT và HTDN tỉnh			- Nghị định số 133/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018; - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019.
	Thư viện					
51	Thủ tục thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Thư viện năm 2019. - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ VHTTDL quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện.
52	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Thư viện năm 2019; - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020.

	Việt Nam					
53	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Thư viện năm 2019; - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020.
	Gia đình					
54	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ VHTTDL quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. - Thông tư số 23/2014/TT-

						BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ VHTTDL sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ VHTTDL quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.
55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014;
56	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.
57	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công,	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009;

	vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)		XTĐT và HTDN tỉnh			- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/ 3/2010; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.
58	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	-Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.
59	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014;
60	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010.
61	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

62	Thủ tục cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.
63	Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
64	Thủ tục cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
65	Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ						
66	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ.	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BVHTTDL-BCA ngày 30/12/2014 của Bộ VHTTDL và Bộ CA quy định quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ hoặc để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật; - Thông tư số 30/2012/TT-

						BCA ngày 29/5/2012 của Bộ CA quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Nghị định số 25/2012/NĐ-CP ngày 05/4/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. - Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08/7/2015 của Bộ VHTTDL quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ Việt Nam để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật; trình tự, thủ tục cho phép triển khai sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ.
II	LĨNH VỰC THỂ THAO					
67	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015;
68	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của cá nhân	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa

	động thể thao		XTĐT và HTDN tỉnh			đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
69	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	*Trường hợp do thay đổi các nội dung: Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao; điều chỉnh giảm danh mục hoạt động thể thao kinh doanh: 200.000đồng/giấy chứng nhận *Trường hợp do bổ sung danh mục hoạt động thể thao kinh doanh: - Bổ sung tăng kinh doanh 01 môn thể thao: 400.000đồng/giấy chứng nhận - Bổ sung tăng kinh doanh 02 môn thể thao: 800.000đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.

				- Bổ sung tăng kinh doanh 03 môn thể thao trở lên: 1.200.000 đồng/giấy chứng nhận		
70	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	100.000 đồng/Giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019. - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
71	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;
72	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;

73	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014.
74	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019. - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
75	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL ngày 05/12/2016; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.

76	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
77	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng /giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
78	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Karate	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
79	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Bơi, lặn	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018. - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP

						ngày 29/4/2019; - Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
80	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Billiards & Snooker	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018. - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
81	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Bóng bàn	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018. - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.

82	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Dù lượn và điều bay	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018. - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
83	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018. - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
84	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019;

						- Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
85	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
86	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn thể dục thể hình và Fitnes	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
87	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn thể dục thể hình và Fitnes	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.

	kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	hồ sơ hợp lệ	chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	chứng nhận	Du lịch	điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
88	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07/02/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
89	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08/02/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-

						HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
90	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn võ cổ truyền, Vovinan	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL ngày 09/3/018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
91	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 17/2018/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
92	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015;

						- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định;
93	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
94	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03/4/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018.
95	Thủ tục cấp Giấy	7 ngày làm việc kể	Trung tâm	800.000	Sở Văn hóa,	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006

	chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	đồng/giấy chứng nhận	Thể thao và Du lịch	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 21/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/4/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018.
96	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018.
97	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018.

98	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL ngày 28/9/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018.
99	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26/9/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018.
100	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018;

						- Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018.
101	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn đấu kiếm thể thao	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	800.000 đồng/giấy chứng nhận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL ngày 02/11/2018; - Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018.
III LĨNH VỰC DU LỊCH						
Lữ hành						
102	Thủ tục công nhận điểm du lịch cấp tỉnh	- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ Sở VHTTDL thẩm định, trình UBND tỉnh; - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, UBND tỉnh quyết định công nhận điểm du lịch.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Du lịch năm 2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ VHTTDL quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.
103	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	3.000.000 đồng/giấy phép	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch năm 2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017; - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021;

104	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.500.000 đồng/giấy phép	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019;
105	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	2.000.000 đồng/giấy phép	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
106	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch năm 2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019;
107	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch năm 2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019;
108	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch năm 2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017;

109	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch năm 2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016;
110	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	200.000đ/thẻ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch năm 2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019.
111	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cấp nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	10 ngày, kể từ ngày kết thúc khóa cấp nhật kiến thức	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch năm 2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017;
112	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	- 07 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - 13 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	3.000.000 đồng/giấy phép	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch năm 2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.

		Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh Doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.				
113	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.500.000 đồng/giấy phép	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch năm 2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016;
114	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.500.000 đồng/giấy phép	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.

	bị tiêu hủy					
115	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	- 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.500.000 đồng/giấy phép	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch năm 2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.

		ngành kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.				
116	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.500.000 đồng/giấy phép	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch năm 2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.
117	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	650.000 đồng/thẻ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
118	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	650.000 đồng/thẻ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
119	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	650.000 đồng/thẻ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

120	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	- 650.000 đồng /thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa - 200.000 đồng /thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
121	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở VH TTDL thẩm định, trình UBND tỉnh; - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, UBND tỉnh quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Du lịch năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017.
Dịch vụ du lịch khác						
122	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.000.000 đồng/hồ sơ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018;
123	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và	1.000.000 đồng/hồ sơ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019.

	khách du lịch		HTDN tỉnh			
124	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.000.000 đồng/hồ sơ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
125	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.000.000 đồng/hồ sơ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019.
126	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	1.000.000 đồng/hồ sơ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
Dịch vụ du lịch khác						
127	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	- 1.500.000 đồng /hồ sơ đề nghị công nhận hạng 1 sao, 2 sao. - 2.000.000 đồng /hồ sơ đề nghị công nhận hạng 3 sao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Luật Du lịch năm 2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	- 02 ngày làm việc đối với phương tiện là xe ô tô; - 07 ngày làm việc đối với phương tiện thủy nội địa kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	- Luật Du lịch năm 2017; - Nghị định số 168/2017/ NĐ-CP ngày 31/12/2017.
2	Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	- 02 ngày làm việc đối với phương tiện là xe ô tô; - 07 ngày làm việc đối với phương tiện thủy nội địa kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	
3	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	- 02 ngày làm việc đối với phương tiện là xe ô tô; - 07 ngày làm việc đối với phương tiện thủy nội địa kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
VĂN HÓA CƠ SỞ					
1	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	- Tại thành phố Nam Định: + Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy. + Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy. + Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy. - Tại các huyện: + Từ 01 đến 03 phòng: 2.000.000 đồng/giấy. + Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy. + Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy.	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.
2	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	4 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	- Tại thành phố Nam Định: Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 2.000.000 đồng/phòng. - Tại các huyện: Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 1.000.000 đồng/phòng.	
3	Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về xét

		hồ sơ hợp lệ			tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.
4	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	
5	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội
6	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	
Thư viện					
7	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	- Luật Thư viện năm 2019. - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020.
8	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	- Luật Thư viện năm 2019. - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020.

	lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng				
9	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	- Luật Thư viện năm 2019. - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020.
Gia đình					
10	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014
11	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014
12	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014

	nhân dân cấp huyện)				
13	Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014
14	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014
15	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Văn hóa cơ sở				
1	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	Không	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018.

2	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	Không	
3	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018.
Thư viện					
4	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	Không	- Luật Thư viện năm 2019; - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020.
5	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	Không	- Luật Thư viện năm 2019; - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020.
6	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	Không	- Luật Thư viện năm 2019; - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020.
Thể dục thể thao					
7	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	Không	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007; - Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011.